

Số: 06/2021/QĐST-DS

*Hà Tiên, ngày 30 tháng 3 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH**

**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 03 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2019.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Ông Lê Hữu P – sinh năm 1949

Địa chỉ: Số 359, P, khu phố 4, phường B, thành Phố H, tỉnh K.

*Bị đơn:* Ông Trình Ngọc T – sinh năm 1954

Địa chỉ: Số 357/20, P, khu phố 4, phường B, thành Phố H, tỉnh .

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Hữu P, sinh năm 1976.

2. Ông Lê Hữu P1, sinh năm 1978.

3. Ông Lê Hữu P2, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Số 359, P, khu phố 4, phường B, thành Phố H, tỉnh K.

4. Bà Danh Thị P, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 357/20, P, khu phố 4, phường B, thành Phố H, tỉnh K.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Ông Lê Hữu P yêu cầu ông Trình Ngọc T giao phần đất mà ông Trình Ngọc T đã chuyển nhượng cho ông Lê Hữu P ngày 28/3/2000 với diện tích 73 m<sup>2</sup> (theo trích đo thực tế khu đất tranh chấp là 54,5 m<sup>2</sup>) tọa lạc tại số 359 P, tổ 10, khu phố 4, phường B, thành phố H, tỉnh K cho ông Lê Hữu P toàn quyền

sử dụng làm lối ra vào. Ông Trình Ngọc T thừa nhận có chuyển nhượng phần diện tích đất theo ông Lê Hữu P trình bày.

Ông Trình Ngọc T cam kết không ngăn cản ông Lê Hữu P kê khai, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích là 54,5 m<sup>2</sup> theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H và trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 19/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H, có kích thước các cạnh AB là 10,17 m giáp đất của ông Đoàn Đức T; cạnh BC là 4,8 m giáp đường P; cạnh CD là 10,73m giáp hẻm chung; cạnh DA là 5,70 m giáp đất ông Lê Hữu P; tọa lạc tại số 359 P, tổ 10, khu phố 4, phường B, thành phố H, tỉnh K. Ông Lê Hữu P hỗ trợ cho ông Trình Ngọc T số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Ông Trình Ngọc T thống nhất nhận số tiền trên vào ngày 10/4/2021.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Lê Hữu P và ông Trình Ngọc T thuộc trường hợp được miễn án phí án phí theo quy định pháp luật và có đơn xin miễn án phí. Trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.825.000 đồng (Một triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) cho ông P theo biên lai số 0008833 ngày 14/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh K.

- Về chi phí tố tụng: Ông Lê Hữu P đã nộp chi phí trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp số tiền 470.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000188 ngày 28/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H và chi phí thẩm định giá là 3.190.000 đồng (Ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000184 ngày 05/12/2019 của Công ty Cổ phần thẩm định giá và tư vấn đầu tư M. Ông P không có yêu cầu gì khác.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hà Tiên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Đình Đăng**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:**

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).